

**NGÂN HÀNG TMCP HÀNG
HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **9623** /2026/CV-TGD14
V/v: Công bố thông tin về tình
hình tài chính

Hà Nội, ngày **25** tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 cấp ngày 01 tháng 07 năm 2005 (được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 13 tháng 01 năm 2023).
- Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024.3771.8989
- Số fax giao dịch: 024.3771.8899
- Địa chỉ thư điện tử: FI.CIBOND@msb.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại, Công ty cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.
- Mã số thuế: 0200124891

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:



[Handwritten signature]

Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ báo cáo (30/06/2026)
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	39.312.118.557.433	45.246.510.887.914
- Vốn của TCTD	26.034.068.714.533	31.234.068.714.533
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	4.393.879.734.253	5.464.231.014.730
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.892.682.363.657	8.512.540.483.102
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	(8.512.255.010)	35.670.675.549
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	302.019.177.466.711	395.752.074.558.904
- Nợ Vay các TCTD khác	29.295.281.047.094	36.893.377.514.316
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	18.000.000.000.000	11.180.000.000.000
• Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	18.000.000.000.000	11.180.000.000.000
• Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
• Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	254.723.896.419.617	347.678.697.044.588
• Các khoản nợ chính phủ và NHNN	8.968.080.490.418	29.874.170.315.612
• Tiền gửi của các TCTD khác	56.692.145.384.004	86.427.067.226.832
• Tiền gửi của khách hàng	174.429.900.202.274	204.674.378.812.131
• Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	810.289.961.238	405.276.191.707
• Phát hành chứng chỉ tiền gửi	9.098.796.189.045	18.680.511.889.045
• Các khoản lãi, phí phải trả	3.209.034.512.513	5.703.929.671.073
• Các khoản phải trả và công nợ khác	1.515.649.680.125	1.913.362.938.188

1248
 AN HAN
 G MẠI CỎ
 NG H
 IỆT NA
 H PHỎ

Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ báo cáo (30/06/2026)
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,88	0,90
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	7,68	8,75
4. Khả năng thanh toán (lần) (**)	N/A	N/A
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	N/A	N/A
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,46	0,25
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,46	0,25
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	3.172.939.837.699	3.422.703.240.617
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	2.503.092.505.971	2.764.825.612.189
- Lỗ lũy kế (nếu có)	N/A	N/A
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân 4 quý gần nhất (ROA)	1,60%	1,46%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân 4 quý gần nhất (ROE)	13,65%	13,68%
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét năm 2025 năm 2026 của MSB (***) Với đặc thù hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán của MSB được thể hiện ở các chỉ tiêu tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động.		
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (Xem bảng dưới đây) * Loại hình doanh nghiệp: Tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại.		

✍

STT	Chỉ tiêu	Hạn mức theo quy định pháp luật chuyên ngành	Các chỉ tiêu tính toán theo các báo cáo tài chính được kiểm toán		Đánh giá thực hiện năm 2026
			Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ này (30/06/2026)	
1	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (%)	$\geq 8\%$	12,28%	12,27%	Tuân thủ
2	Chỉ tiêu an toàn tài chính (%)				
2,1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (*)	$\geq 10\%$	19,66%	19,28%	Tuân thủ
2,2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND (*)	$\geq 50\%$	62,71%	60,59%	Tuân thủ
2,3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày Ngoại tệ (*)	$\geq 10\%$	KPS	KPS	Tuân thủ
2,4	Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (*)	$\leq 30\%$	26,57%	26,89%	Tuân thủ
2,5	Tổng trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có	$\leq 20\%$	1,22%	10,52%	Tuân thủ
2,6	Tổng trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có	$\leq 20\%$	3,82%	0,01%	Tuân thủ
2,7	Trạng thái vàng so với vốn tự có	$\leq 2\%$	0,01%	0,01%	Tuân thủ
2,8	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (*)	$\leq 85\%$	73,91%	66,76%	Tuân thủ
2,9	Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư TPCP, TPCP bảo lãnh (*)	$\leq 30\%$ so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó	12,89%	15,13%	Tuân thủ
2,10	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng (CTD)	Thực hiện các quy định về không CTD, hạn chế CTD và giới hạn CTD	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

2,11	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Thực hiện các quy định về góp vốn, mua cổ phần và các giới hạn liên quan	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
(*) Các chỉ tiêu an toàn tài chính này được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)) và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ, Nguồn: Dữ liệu tính toán dựa trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2025 và năm 2026 của MSB					

* Thông tin về trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ này (30/06/2026)
1	Nợ vay NHNN và các TCTD khác bằng ngoại tệ quy đổi (đồng)	9.719.979.048.120	19.991.085.483.576
2	Phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ quy đổi (đồng)		
3	Tỷ giá quy đổi		
3,1	USD	26.300	26.338
3,2	EUR		
3,3	JPY		
3,4			

Nguồn: MSB

3, Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Tên tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần,

[Handwritten signature]

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên,/,

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



Bùi Thị Việt Anh

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG
TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HÀ THANH**